

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Tên ngành: HỘ SINH

Mã ngành: 6720303

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Hộ sinh trình độ cao đẳng là ngành, nghề thực hiện các công việc chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai, thực hiện đỡ đẻ an toàn; tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ ở mọi lứa tuổi; khám một số tình trạng bệnh lý phụ khoa thông thường; tư vấn và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; tư vấn và thực hiện phá thai an toàn với tuổi thai dưới 7 tuần; chăm sóc sức khỏe trẻ em; tiêm chủng mở rộng..., đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Công việc của nghề hộ sinh được thực hiện chủ yếu ở các bệnh viện chuyên khoa Sản Nhi; khoa Sản các bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh, bệnh viện tuyến huyện; trung tâm y tế tuyến huyện; các trạm y tế xã, phường và cộng đồng. Cường độ làm việc của người hộ sinh tương đối cao, đòi hỏi sự tập trung và tinh thần trách nhiệm cao để đạt được sự hài lòng của người bệnh. Để đảm bảo công việc của nghề hộ sinh được tốt thì cần có môi trường làm việc đầy đủ cơ sở vật chất, dụng cụ bảo hộ lao động, trang thiết bị y tế và các nội quy, quy định nơi làm việc của hộ sinh.

Để hành nghề, người hộ sinh cần có sức khỏe tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên môn nghề đáp ứng với vị trí việc làm. Ngoài ra, người hộ sinh phải có lương tâm và trách nhiệm cao, hết lòng yêu nghề, luôn rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức của người thầy thuốc.

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2.500 giờ (tương đương 90 tín chỉ).

1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Kiến thức

- Trình bày được các quy định của pháp luật trong công tác chăm sóc người bệnh, quy định về Luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp;
- Xác định được vai trò, phạm vi thực hành nghề nghiệp của người Hộ sinh trong công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh;
- Giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Trình bày được kiến thức trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh, xã hội, y tế công cộng và đạo đức nghề nghiệp làm nền tảng để chăm sóc thích hợp cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và gia đình của họ phù hợp với các yếu tố văn hóa của cộng đồng;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

b. Kỹ năng

- Giao tiếp, phối hợp có hiệu quả với bác sĩ, đồng nghiệp, khách hàng trong học tập và công tác chăm sóc người bệnh. Thực hiện được công tác tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe về chăm sóc sức khỏe sinh sản có hiệu quả tại cơ sở y tế và cộng đồng.
- Chăm sóc bà mẹ trước khi mang thai có chất lượng cao, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng. Hỗ trợ việc kế hoạch hóa gia đình hoặc kết thúc thai nghén theo quy định của luật pháp và hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản;
- Chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén có chất lượng cao để đảm bảo sức khỏe cho bà mẹ tốt nhất; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời;
- Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ với chất lượng cao; đỡ đẻ sạch, an toàn; xử trí, cấp cứu đảm bảo sức khỏe tốt nhất cho mẹ và trẻ sơ sinh;
- Chăm sóc toàn diện, chất lượng cao cho bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh theo phân cấp chăm sóc;
- Khám và nhận định tình trạng sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh, người sử dụng dịch vụ; xác định vấn đề ưu tiên cần chăm sóc của từng đối tượng;
- Lập được kế hoạch, thực hiện quy trình chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ;
- Thực hiện sơ cứu, cấp cứu được sản khoa, cấp cứu hồi sức sơ sinh ban đầu; phát hiện những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để phối hợp bác sĩ giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn;
- Quản lý buồng bệnh, quản lý bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ; quản lý thuốc, trang thiết bị, vật tư tiêu hao, hồ sơ bệnh án;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy chế chuyên môn, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực hộ sinh và các quy định khác của ngành y tế;
- Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế;
- Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc sức khỏe sinh sản, phụ nữ phá thai và kế hoạch hóa gia đình.
- Chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén;
- Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ và sinh đẻ;
- Chăm sóc bà mẹ sau sinh;
- Chăm sóc trẻ sơ sinh sau sinh.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 38
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 100 tín chỉ; 2520 giờ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học mô đun chuyên môn: 2055 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 854 giờ, Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1720 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21	435	157	255	23
MH01	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	05
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	02
MH03	Tiếng Anh	5	120	42	72	06
MH04	Tin học	3	75	15	58	02
MH05	Giáo dục thể chất	2	60	05	51	04
MH06	GD Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	04
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	76	2055	697	1303	55
II.1	MÔN HỌC MÔ ĐUN CƠ SỞ	37	705	408	278	19
II.1.1	Sinh học đại cương và di truyền	2	30	29	0	1
II.1.2	Hóa sinh	2	30	29	0	1

II.1.3	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	30	25	4	1
II.1.4	Giải phẫu	4	90	30	58	2
II.1.5	Sinh lý học	2	30	29	0	1
II.1.6	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	30	29	0	1
II.1.7	Dược lý	2	30	29	0	1
II.1.8	Dịch tễ - SKMT - GDSK	4	75	45	28	2
II.1.9	Dinh dưỡng - ATP	2	30	29	0	1
II.1.10	TCYT - Đạo đức y học - TL con người	3	45	44	0	1
II.1.11	Điều dưỡng cơ sở 1	4	90	30	58	2
II.1.12	Điều dưỡng cơ sở 2	4	90	30	58	2
II.1.13	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	60	15	43	2
II.1.14	Nghiên cứu khoa học	2	45	15	29	1
II.2	CÁC MÔN CHUYÊN MÔN NGÀNH NGHỀ	23	390	289	87	14
II.2.1	CS sức khỏe phụ nữ và nam học	2	30	29	0	1
II.2.2	Chăm sóc thai nghén	1	15	14	0	1
II.2.3	CS chuyên dạ và đẻ thường	3	60	30	29	1
II.2.4	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ khó	1	15	14	0	1
II.2.5	Chăm sóc sau đẻ	1	15	14	0	1
II.2.6	Chăm sóc sơ sinh	2	30	29	0	1
II.2.7	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	30	29	0	1
II.2.8	Tư vấn đình chỉ thai an toàn	2	45	15	29	1
II.2.9	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	1	15	14	0	1
II.2.10	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	2	45	15	29	1
II.2.11	Chăm sóc các bệnh mãn tính liên quan đến thai nghén và sinh đẻ	2	30	29	0	1
II.2.12	Liệu pháp giảm đau trong đẻ	1	15	14	0	1
II.2.13	Chăm sóc hậu phẫu trong sản khoa	1	15	14	0	1
II.2.14	Quản lý Hộ sinh	2	30	29	0	1
II.3	Thực hành thực tập bệnh viện	16	960	0	938	22

II.3.1	Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	2	120	0	118	2
II.3.2	Thực tập chăm sóc thai nghén	2	120	0	118	2
II.3.3	Thực tập chăm sóc chuyên dạ và đẻ thường	2	120	0	118	2
II.3.4	Thực tập chăm sóc chuyên dạ và đẻ khó	1	60	0	58	2
II.3.5	Thực tập chăm sóc sau đẻ	2	120	0	118	2
II.3.6	Thực tập chăm sóc sơ sinh	1	60	0	58	2
II.3.7	Thực tập chăm sóc sức khỏe trẻ em	1	60	0	58	2
II.3.8	Thực tập tư vấn đình chỉ thai an toàn	1	60	0	58	2
II.3.9	Thực tập chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	2	120	0	118	2
II.3.10	Thực tập Liệu pháp giảm đau trong đẻ	1	60	0	58	2
II.3.11	TT chăm sóc hậu phẫu trong sản khoa	1	60	0	58	2
III	PHẦN TỐT NGHIỆP	3	90	0	90	0
1	Đánh giá năng lực cuối khóa	3	90	0	90	0
	Tổng số	100	2580	854	1648	78